

CHỦ NGHĨA HIẾN PHÁP - BẢN CHẤT, CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH ⁽¹⁾

THÁI VĨNH THẮNG *

HOÀNG VĂN NGHĨA **

Tóm tắt: Chủ nghĩa hiến pháp (Constitutionalism) được nhiều học giả trên thế giới nghiên cứu trên các bình diện khác nhau nhưng đều có quan điểm chung là học thuyết về việc hạn chế quyền lực của chính quyền bằng đạo luật cơ bản của nhà nước. Bài viết phân tích khái niệm, bản chất, các yếu tố cấu thành của chủ nghĩa hiến pháp. Trên cơ sở quan điểm chung về chủ nghĩa hiến pháp của nhiều học giả khác nhau, bài viết xác định có 7 yếu tố cấu thành chủ nghĩa hiến pháp là: chủ quyền tối cao của nhà nước thuộc về nhân dân; chế độ pháp quyền; phân quyền và kiểm chế đối trọng; tư pháp độc lập; bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; kiểm soát, giám sát quyền lực; thiết chế bảo hiến.

Từ khoá: Bản chất; cấu thành; chủ nghĩa hiến pháp

Nhận bài: 08/6/2020

Hoàn thành biên tập: 08/10/2020

Duyệt đăng: 09/10/2020

THE NATURE AND COMPONENTS OF CONSTITUTIONALISM

Abstract: Constitutionalism has been the focus of studies of many scholars in different aspects; however, the common opinion is that this doctrine aims at limiting the State power with the fundamental law. This article analyses the definition, nature and components of Constitutionalism. Based on the common viewpoint on Constitutionalism of different scholars, the article determines that there are 7 components of this doctrine, which are: the supreme sovereignty that belongs to the people; rules of law; the distribution of power and restraint among counterpoises; the independence of the court; the guarantee of human rights and citizen rights; the control and supervision of power; and the protection of Constitution.

Keywords: Nature; component; constitutionalism

Received: June 8th, 2020; Editing completed: Oct 8th, 2020; Accepted for publication: Oct 9th, 2020

1. Khái niệm, bản chất của chủ nghĩa hiến pháp

Ở Việt Nam, khái niệm chủ nghĩa hiến pháp (Constitutionalism) vẫn còn khá xa lạ.

* Giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội,

E-mail: thaivinhthang@hlu.edu.vn

** Phó giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia

Hồ Chí Minh, E-mail: nghiahoang@hcma.vn

(1). Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài “Bảo vệ quyền con người bằng cơ chế bảo hiến trong nhà nước pháp quyền: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam” (mã số 505.01-2018.03) do Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) tài trợ.

Tác giả Nguyễn Đăng Dung nhận định rằng: “Chủ nghĩa hiến pháp không đồng nghĩa với việc có một bản hiến pháp. Nếu như bản hiến pháp không có phân quyền, không có nhân quyền, không có tư pháp độc lập và nhất là bản hiến pháp đó không được tổ chức thực thi trong thực tế thì ở quốc gia có bản hiến pháp đó vẫn chưa có chủ nghĩa hiến pháp”.⁽²⁾ Tác giả Wil Waluchow cho rằng:

(2). Nguyễn Đăng Dung, “Sự phát triển của chủ nghĩa Hiến pháp ở Việt Nam cho đến Hiến pháp năm 2013, trong cuốn *Bình luận khoa học Hiến pháp Việt Nam*

“Chủ nghĩa hiến pháp là ý tưởng thường gắn với các học thuyết chính trị của John Locke và các nhà lập pháp Hoa Kỳ rằng chính quyền có thể và phải bị giới hạn pháp lí về mặt quyền lực và quyền lực, tính hợp pháp của nó phụ thuộc vào việc tuân thủ những giới hạn này”.⁽³⁾ Nhà nghiên cứu Don Fehrenbacher đưa ra khái niệm cô đọng về chủ nghĩa hiến pháp: *“Chủ nghĩa hiến pháp là một phức hợp các ý tưởng, thái độ và mô thức hành động dựa trên nguyên tắc rằng quyền lực chính quyền xuất phát và chịu sự giới hạn bởi đạo luật cơ bản của nhà nước”.*⁽⁴⁾ Học giả Andrew Heywood, trong cuốn “Key Concepts in Politics” quan niệm: *“Chủ nghĩa Hiến pháp theo nghĩa hẹp là thực tiễn về một Chính phủ giới hạn qua sự tồn tại của một bản hiến pháp. Theo nghĩa này, chủ nghĩa hiến pháp được coi là tồn tại bất cứ khi nào các thiết chế chính trị được chế ngự hiệu quả bởi các quy định của hiến pháp. Rộng hơn, chủ nghĩa hiến pháp đề cập tập hợp giá trị và ước vọng chính trị phản ánh nguyện vọng bảo vệ tự do qua việc thiết lập sự kiểm soát bên trong và bên ngoài lên quyền lực chính quyền. Chủ nghĩa hiến pháp được thể hiện bằng các đặc trưng như đảm bảo các quyền con người, phân chia quyền lực và kiểm chế đối trọng, nhà nước pháp quyền, chế độ lưỡng viện, phân quyền cho*

địa phương, thiết chế bảo hiến”.⁽⁵⁾ Trong bài viết về chủ nghĩa hiến pháp của Andrew Godden, John Morison,⁽⁶⁾ hai nhà nghiên cứu này đã đưa ra khái niệm chủ nghĩa hiến pháp là sự kết hợp các ý tưởng, thái độ và khuôn mẫu hành vi xuất phát từ nguyên tắc thẩm quyền của chính phủ bắt nguồn và bị giới hạn bởi hiến pháp.

Richard Bellamy, nhà chính trị học người Anh, khi nhận xét về chủ nghĩa hiến pháp hiện nay cho rằng mặc dù đa số các nhà nghiên cứu đều thống nhất chủ nghĩa hiến pháp được nhìn nhận như là giới hạn quyền lực của chính quyền nhưng cần phải thấy rằng mục đích của chủ nghĩa hiến pháp là ngăn chặn sự độc quyền, chuyên chế của chính quyền. Ông chia chủ nghĩa Hiến pháp thành chủ nghĩa hiến pháp pháp lí (Legal Constitutionalism) và chủ nghĩa hiến pháp chính trị (Political Constitutionalism). Chủ nghĩa hiến pháp pháp lí coi trọng hai yếu tố cơ bản là phân quyền và bảo đảm các quyền con người. Chủ nghĩa hiến pháp pháp lí thể hiện rõ trong Tuyên ngôn Nhân quyền và công dân quyền của nước Pháp năm 1789: *“Không có sự phân quyền và bảo đảm các quyền con người thì không có Hiến pháp”.* Chủ nghĩa hiến pháp chính trị coi trọng yếu tố chính trị của hiến pháp. Theo Dicey, chủ quyền tối cao thuộc về nghị viện, nó có thể làm hoặc không làm bất kì luật nào,⁽⁷⁾

năm 2013, (Đào Trí Úc và Vũ Công Giao chủ biên), Nxb. Lao động xã hội, 2014, tr. 634 - 652.

(3). Wil Waluchow, “Constitutionalism”, *Stanford Encyclopedia of philosophy*, <https://plato.stanford.edu/entries/constitutionalism/>, truy cập 22/4/2020.

(4). George Athan Billias, “American Constitutionalism heard round the world, 1776 - 1989”, *New York University Press*, New York & London, 2009, p. 7.

(5). Andrew Heywood, *Key Concepts in Politics*, Macmillan Press Ltd, 2000, p. 124.

(6). Andrew Godden, John Morison, *Constitutionalism*, <https://oxcon.oup.com/view/10.1093/law-mpeccol/law-mpeccol-e9>, truy cập 22/4/2020.

(7). Hilair Barnet, *Constitutional and Administrative law*, Gavendish Publishing Limited, 1995, p. 213.

không ai, không cơ quan nào có thể vượt qua quyền làm luật của nghị viện. Hiến pháp không cao hơn chính trị, hiến pháp bị chi phối bởi bối cảnh chính trị. Giám sát tư pháp là chính trị bởi phương tiện pháp luật. Các quy phạm pháp luật được tạo ra bởi cơ quan lập pháp ưu thế hơn các quy phạm pháp luật do án lệ tạo ra.⁽⁸⁾

Tổng hợp các quan điểm, nhận xét trên đây của các học giả khác nhau về chủ nghĩa hiến pháp, có thể thấy dù có nhiều quan điểm chưa đồng nhất nhưng có thể rút ra bản chất của chủ nghĩa hiến pháp là hệ thống lí luận về giới hạn quyền lực của chính quyền nhằm chống lại sự độc quyền, chuyên chế, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân bằng hiến pháp, đạo luật cơ bản của nhà nước.

2. Các yếu tố cấu thành chủ nghĩa hiến pháp

Chủ nghĩa hiến pháp là hệ thống lí luận về giới hạn quyền lực của chính quyền, chống lại sự độc quyền, chuyên chế, bảo vệ các quyền con người quyền công dân bằng hiến pháp, đạo luật cơ bản của nhà nước. Vậy, muốn hiến pháp thực hiện được vai trò quan trọng này, nội hàm của chủ nghĩa hiến pháp phải bao gồm những yếu tố cấu thành nào?

Nhà nghiên cứu Louis Henkin - người có nhiều đóng góp cho nền luật học Hoa Kỳ trong lĩnh vực quyền con người, khi bàn về chủ nghĩa hiến pháp đã xác định chủ nghĩa hiến pháp bao gồm 9 yếu tố: chính quyền tuân thủ hiến pháp; phân quyền; chủ quyền

tối cao thuộc về nhân dân và chính quyền dân chủ; giám sát hiến pháp; tư pháp độc lập; giới hạn quyền lực của chính quyền bởi bộ luật nhân quyền; có sự giám sát đối với cảnh sát; có sự giám sát của nhân dân đối với quân đội; chính quyền không có quyền trì hoãn hay làm ngưng hiệu lực một phần hoặc toàn bộ hiến pháp.⁽⁹⁾

Tác giả Nicolas William Barber, đã đưa ra 6 nguyên tắc cơ bản của nhà nước hợp hiến (Constitutional state), có thể coi đây là 6 yếu tố cấu thành của chủ nghĩa hiến pháp, đó là: chủ quyền tối cao của nhân dân; phân quyền giữa các nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp; chế độ pháp quyền (rule of law); trong việc phân định thực hiện các chức năng công, ưu tiên cho chính quyền gần dân hơn, thực hiện có hiệu quả và kinh tế hơn; đảm bảo chế độ dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp; xã hội dân sự được bảo đảm tồn tại và phát triển.⁽¹⁰⁾

Cả hai quan điểm trên đây đều có sự hợp lí, tuy nhiên một số yếu tố trong quan điểm của Louis Henkin có thể ghép vào yếu tố khác như: giám sát cảnh sát và quân đội có thể đưa vào tiêu chí giám sát và kiểm soát quyền lực; yếu tố giới hạn quyền lực của chính quyền bằng bộ luật nhân quyền có thể đưa vào yếu tố đảm bảo các quyền con người, quyền công dân; yếu tố chính quyền không thể đình trệ hoặc làm ngưng hiệu lực của một phần hoặc toàn bộ hiến pháp

(8). Richard Bellamy, "Political Constitutionalism and the Human Rights", *International Journal Constitutional Law*, volum 9, issue 1, January 2011, p. 86 - 111; <https://academic.oup.com/icon/article/9/1/86/902292>, truy cập 23/4/2020.

(9). Louis Henkin, *Constitutionalism, Democracy and foreign affairs*, <https://www.repository.law.indiana.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1447&context=ilj>, truy cập 23/4/2020.

(10). N.W. Barber, *The principles of constitutionalism*, Oxford University Press, 2018, p. 215.

vào tiêu chí chế độ pháp quyền. Tiêu chí trong phân định thực hiện chức năng công ưu tiên cho cấp chính quyền gần dân hơn, thực hiện có hiệu quả và kinh tế hơn của Nicolas William Barber có thể đưa vào tiêu chí phân quyền và kiểm chế, cân bằng quyền lực. Bằng phương pháp này và bổ sung các yếu tố hợp lý hơn, có thể xây dựng 7 yếu tố của chủ nghĩa hiến pháp gồm: chủ quyền tối cao của nhà nước thuộc về nhân dân (Popular sovereignty); chế độ pháp quyền (Rule-of-law); phân quyền và kiểm chế, cân bằng quyền lực (Separation of powers and check and balance of powers); tư pháp độc lập (Independence of judiciary); bảo đảm các quyền con người (Protection of human rights); kiểm soát và giám sát quyền lực (Control and supervision of powers); thiết chế bảo hiến, giám sát hiến pháp (Constitutional review).

2.1. Chủ quyền tối cao của nhà nước thuộc về nhân dân

Chủ quyền tối cao (Sovereignty) là toàn bộ quyền cai trị một nước (Complete power to govern a country) hoặc một đất nước được tự mình tự do cai trị (The state being a country with freedom to govern itself).⁽¹¹⁾ Chủ quyền tối cao thuộc về nhân dân được hiểu là những công việc quan trọng nhất của đất nước do nhân dân định đoạt. Nhân dân thực hiện quyền lực của mình thông qua cơ quan đại diện hoặc thông qua biện pháp dân chủ trực tiếp và thông qua các cơ quan nhà nước khác.

Các bản hiến pháp Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 đều khẳng định chủ

quyền tối cao của nhà nước thuộc về nhân dân. Ngay từ Hiến pháp năm 1946, tại Điều 1 đã khẳng định: “*Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hoà. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo*”. Điều 4 Hiến pháp năm 1959, Điều 6 Hiến pháp năm 1980, Điều 2 Hiến pháp năm 1992 đều tiếp tục khẳng định tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân thực hiện quyền lực của mình thông qua Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp. Hiến pháp năm 2013 đã hoàn thiện thêm quy định về chủ quyền nhân dân và cách thức thực hiện chủ quyền nhân dân. Một mặt, khoản 2 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 đã tiếp tục khẳng định “*nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức*”, mặt khác Điều 6 Hiến pháp năm 2013 quy định bổ sung hình thức nhân dân thực hiện quyền lực của mình, không những thông qua Quốc hội và hội đồng nhân dân như trước đây mà còn bằng dân chủ trực tiếp và bằng các cơ quan nhà nước khác.

2.2. Chế độ pháp quyền (Rule-of-law)

Quan điểm chế độ pháp quyền mỏng hay quan điểm chế độ pháp quyền hình thức⁽¹²⁾ của Albert Venn Dicey và Joseph Raz

Theo quan điểm của hai nhà khoa học này, chế độ pháp quyền (rule of law) có nghĩa là nhân dân tuân thủ pháp luật và được

(11). *Oxford Advanced Learner's Dictionary*, Edited by Sally Wehmeier, Oxford University Press, 2000, p. 1236.

(12). Nguyễn văn tiếng Anh: “The thin or formal conception rule of law”.

cai trị bởi pháp luật. Trong tác phẩm: “The law of the Constitution” (Luật Hiến pháp), xuất bản lần đầu năm 1885, Dicey đã lập luận rằng chế độ pháp quyền thể hiện trên thực tế bằng 3 yếu tố cơ bản: 1) Không ai có thể bị chịu hình phạt hoặc phải bồi thường thiệt hại vì một hành vi mà pháp luật không cấm; 2) Không ai có thể cao hơn pháp luật dù người đó thuộc đẳng cấp nào trong xã hội; 3) Tòa án là công cụ bảo vệ các quyền và tự do của con người.⁽¹³⁾ Theo Joseph Raz để xây dựng chế độ pháp quyền cần phải đảm bảo hai điều kiện: *Thứ nhất*, pháp luật phải là công cụ hướng dẫn hành vi của con người (The law is capable of guiding behavior).⁽¹⁴⁾ Muốn vậy pháp luật phải có tính hiện thực (prospective), tính mở (open), tính rõ ràng (clear), tính ổn định (stable). Cần tránh các hiện tượng pháp luật mập mờ (ambiguous), mơ hồ (vague), tối nghĩa (obscure), không chính xác (imprecise). *Thứ hai*, bộ máy nhà nước buộc phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật. Để thực hiện yêu cầu trên đây cần phải bảo đảm các điều kiện:

- Tư pháp độc lập (Judicial independence). Người dân chỉ tuân thủ pháp luật một cách nghiêm chỉnh nếu toà án xét xử đúng đắn và nghiêm minh;

- Cơ quan giữ cân cân công lý xét xử một cách khách quan, không thiên vị (Absence of bias);

- Toà án có quyền xem xét tính hợp

hiển của các luật và tính hợp pháp của các văn bản dưới luật, các hoạt động hành chính (Court must have power to review primary and subsidiary legislation and administrative action);

- Người dân dễ tiếp cận toà án (The courts should be accessible);

- Các cơ quan nhà nước không lạm dụng quyền lực (Arbitrary power is excluded).⁽¹⁵⁾

Quan điểm chế độ pháp quyền “dày” hay quan điểm chế độ pháp quyền nội dung⁽¹⁶⁾ của Ronal Dworking

Quan điểm của Ronal Dworking về chế độ pháp quyền rộng hơn quan điểm của Dicey và Raz, theo quan điểm này, Rule of law dựa trên các tiêu chí sau đây:

- Trách nhiệm giải trình (Accountability): Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm giải trình trước nhân dân;

- Pháp luật công bằng (Just law): Pháp luật phải rõ ràng, minh bạch, ổn định, bảo đảm các quyền cơ bản của con người;

- Chính phủ mở (Open Government): Quá trình xây dựng và thực hiện pháp luật phải công khai, dễ tiếp cận và hiệu quả;

- Nền tư pháp dễ tiếp cận và giải quyết tranh chấp không thiên vị (Accessible judiciary & impartial dispute resolution).⁽¹⁷⁾

Mặc dù hai quan điểm trên đây được gọi với tên gọi đối lập là “thin” (mỏng) và “thick” (dày), tuy nhiên cả hai quan điểm này đều có điểm chung về chế độ pháp quyền là nhà nước tôn trọng pháp luật, cai trị bằng pháp luật, muốn vậy pháp luật phải rõ

(13). Hilaire Barnett, Constitutional and Administrative law, Cavendish Publishing Limited, 1995, p. 100.

(14). Joseph Raz, “The Rule of law and its Virtue”, *The law quarterly review*, University of Warwick, Volume 93, Issue 2, 1977, p. 198 - 202.

(15). Joseph Raz, tldđ.

(16). Nguyễn văn tiếng Anh: The “thick” or substantive conception rule of law.

(17). Joseph Raz, tldđ.

ràng, minh bạch, công bằng, ổn định, bảo đảm các quyền con người, các cơ quan nhà nước phải tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật, cơ quan toà án phải độc lập và là công cụ bảo vệ công bằng, công lí.

Ở Việt Nam, vấn đề nhà nước pháp quyền (Rule of law state) đã được đưa vào Hiến pháp năm 1992 trong lần sửa đổi, bổ sung năm 2001. Tại Điều 2 Hiến pháp 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định: “*Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*”. Quy định này được tiếp tục khẳng định trong khoản 1 Điều 2 Hiến pháp năm 2013. Việc xác lập nguyên tắc xây dựng nhà nước pháp quyền trong Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nhà nước là cơ sở để tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước phù hợp với các tiêu chí của chế độ pháp quyền (rule of law).

2.3. Phân chia quyền lực và kiểm chế đối trọng

- Học thuyết phân quyền của John Locke và Charles Louis Montesquieu

Theo các học giả John Locke và Charles Louis Montesquieu, quyền lực nhà nước gồm ba quyền cơ bản là quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Sở dĩ có sự chuyên quyền, độc đoán, xâm phạm các quyền con người, công dân là do ba thứ quyền lực trên đây tập trung trong tay một người hoặc một cơ quan. Trong tác phẩm “*Tinh thần pháp luật*”, Montesquieu đã viết: “*Khi mà quyền lập pháp và quyền hành pháp nhập lại trong tay một người hay một Viện nguyên lão thì sẽ không còn là tự do nữa; vì người ta sợ rằng chính ông ta hay*

viện ấy chỉ đặt ra luật độc tài để thi hành một cách độc tài. Cũng không có gì là tự do nếu quyền tư pháp không tách khỏi quyền lập pháp. Nếu quyền tư pháp nhập lại với quyền lập pháp thì người ta sẽ độc đoán với quyền sống và quyền tự do của công dân; quan toà sẽ là người đặt ra luật. Nếu quyền tư pháp nhập lại với quyền hành pháp thì ông quan toà sẽ có cả sức mạnh của kẻ đàn áp. Nếu một người hay một tổ chức của quan chức hoặc của quý tộc nắm luôn cả ba thứ quyền lực nói trên thì tất cả sẽ mất hết”.⁽¹⁸⁾ Vì tính đúng đắn và hợp lí của nó, thuyết phân chia quyền lực đã trở thành một trong những nguyên tắc quan trọng trong tổ chức bộ máy nhà nước đương đại. Việc áp dụng thuyết phân quyền được thực hiện theo hai hướng chủ yếu là phân chia quyền lực rắn (rạch ròi) và phân chia quyền lực mềm (phân chia với sự phối kết hợp các nhánh quyền lực). Đại diện cho trường phái phân chia quyền lực rạch ròi là Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787. Theo bản Hiến pháp này, ba nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp độc lập với nhau nhưng có thể kiểm chế và đối trọng để tránh sự lạm dụng quyền lực. Tổng thống và Quốc hội đều do dân bầu ra. Tổng thống không có quyền giải tán Quốc hội và Quốc hội không có quyền bỏ phiếu bất tín nhiệm Chính phủ để giải tán Chính phủ như các nước châu Âu. Tuy nhiên, Tổng thống có thể phủ quyết các dự luật của Quốc hội. Các dự luật khi bị Tổng thống phủ quyết, Quốc hội phải thảo luận, biểu quyết lại và dự luật chỉ có thể được thông qua khi

(18). Montesquieu, *Tinh thần pháp luật*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1996, tr. 101.

đạt ít nhất 2/3 số phiếu thuận. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, có đến 95% dự luật bị Tổng thống phủ quyết sẽ không ban hành được.⁽¹⁹⁾ Mặc dù Tổng thống có quyền lực rất lớn nhưng nếu lạm dụng quyền lực Tổng thống có thể bị xét xử theo thủ tục đàn hạch (impeachment), theo đó Hạ viện buộc tội và Thượng viện sẽ xét xử. Nếu bỏ phiếu đạt từ 2/3 trở lên số phiếu thượng nghị sĩ, chức vụ Tổng thống sẽ bị phế truất. Để đảm bảo cho các thẩm phán độc lập, không phụ thuộc vào các nhánh lập pháp, hành pháp, các thẩm phán được bổ nhiệm suốt đời. Nếu có đơn kiện của cá nhân, tổ chức về tính hợp hiến của các luật, toà án liên bang có quyền xem xét tính hợp hiến của luật liên bang, các toà án của bang có quyền xem xét tính hợp hiến luật của các bang, ngược lại quốc hội liên bang cũng có quyền đàn hạch để phế truất các thẩm phán toà án liên bang, cơ quan lập pháp của các bang cũng có quyền đàn hạch để phế truất thẩm phán toà án của các bang.

Mô hình phân quyền mềm thể hiện cả trong ba hình thức chính thể cộng hoà nghị viện, quân chủ lập hiến và cộng hoà lưỡng tính. Trong mô hình chính thể cộng hoà nghị viện như Đức, Áo, Italia, mô hình cộng hoà lưỡng tính như Pháp, Nga, Hàn Quốc, mô hình quân chủ lập hiến như Anh, Tây Ban Nha, Hà Lan, Nhật Bản, Thái Lan..., chính phủ được thành lập trên cơ sở đảng chiếm ưu thế trong nghị viện vì thế kết quả bầu cử nghị viện quyết định đảng nào sẽ thành lập chính phủ. Mặc dù chức năng của nghị viện là lập pháp, chức năng của chính phủ là hành

pháp nhưng lập pháp và hành pháp gắn kết với nhau bởi đảng nắm quyền lập pháp cũng là đảng nắm quyền hành pháp. Cơ quan hành pháp luôn “tựa lưng” vào đa số trong nghị viện. Trong các mô hình này, chính phủ luôn luôn chịu trách nhiệm trước nghị viện và nếu chính phủ hoạt động không có hiệu quả hoặc lạm dụng quyền lực thì nó có thể bị nghị viện bỏ phiếu bất tín nhiệm buộc phải giải tán trước thời hạn. Tổng thống có thể tự mình hoặc vua theo yêu cầu của thủ tướng có thể giải tán hạ nghị viện trước thời hạn. Trong các hình thức chính thể trên đây, để bảo đảm cho tư pháp độc lập, các thẩm phán thường được bổ nhiệm suốt đời và trong lúc tại nhiệm không được phép tham gia các đảng chính trị.

- Ảnh hưởng của học thuyết phân quyền trong các hiến pháp Việt Nam

Trong các bản hiến pháp Việt Nam, mặc dù không có hiến pháp nào xác định phân chia quyền lực là nguyên tắc hiến định nhưng ở mức độ khác nhau, các hiến pháp đều chịu ảnh hưởng nhất định của học thuyết phân quyền. Với Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước ta, việc phân định ba nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp rất rõ ràng. Quyền lập pháp thuộc về nghị viện, quyền hành pháp thuộc về Chủ tịch nước và Chính phủ, quyền tư pháp thuộc về toà án. Chủ tịch nước vừa đứng đầu nhà nước vừa đứng đầu Chính phủ. Yếu tố này cho thấy Hiến pháp năm 1946 có phần chịu ảnh hưởng của Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787. Tuy nhiên, Chủ tịch nước không phải do dân bầu mà do nghị viện bầu, yếu tố này lại ảnh hưởng của mô hình cộng hoà nghị viện. Chính phủ là cơ quan hành chính nhà

(19). Thái Vĩnh Thắng, *Nhà nước và pháp luật tư sản đương đại*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2008, tr. 73.

nước cao nhất, không phải là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Mỗi sắc lệnh của Chính phủ phải có chữ kí của Chủ tịch nước Việt Nam và tùy theo quyền hạn các bộ, phải có một hay nhiều bộ trưởng tiếp kí. Các bộ trưởng phải chịu trách nhiệm trước Nghị viện (Điều 53). Bộ trưởng nào không được Nghị viện tín nhiệm thì phải từ chức. Thủ tướng chịu trách nhiệm về con đường chính trị của nội các. Nghị viện chỉ có thể biểu quyết về vấn đề tín nhiệm khi Thủ tướng, Ban thường vụ Nghị viện hoặc một phần tư tổng số nghị viên nêu vấn đề đó ra (Điều 54). Cơ quan tư pháp được tổ chức theo thẩm cấp tố tụng gồm: toà án tối cao, các toà phúc thẩm, các toà đệ nhị cấp và sơ cấp. Các thẩm phán do Chính phủ bổ nhiệm. Sự phân quyền giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp khá rõ ràng và có thể xếp vào mô hình chính thể cộng hoà lưỡng tính. Với Hiến pháp năm 1959, Chủ tịch nước chỉ đứng đầu nhà nước, không đứng đầu Chính phủ. Tuy nhiên, quyền lực Chủ tịch nước cũng lớn hơn so với các Hiến pháp về sau, vì Chủ tịch nước theo quy định tại Điều 66 có quyền tham gia và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Chính phủ và theo quy định tại Điều 67, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, khi xét thấy cần thiết thì triệu tập và chủ tọa hội nghị chính trị đặc biệt. Hội nghị chính trị đặc biệt gồm có Chủ tịch và Phó Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Thủ tướng Chính phủ và những người có liên quan khác. Hội nghị chính trị đặc biệt xét những vấn đề lớn của đất nước. Những ý kiến của hội nghị chính trị đặc biệt do Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà

chuyển đến Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Chính phủ và các cơ quan có liên quan khác để thảo luận và ra quyết định. Với Hiến pháp năm 1959, việc xác lập các nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp cũng được xác định khá rõ ràng. Tuy nhiên, cần lưu ý bắt đầu từ Hiến pháp năm 1959, bộ máy nhà nước ta được xây dựng theo mô hình nhà nước XHCN, vì vậy, Hiến pháp Liên Xô có ảnh hưởng sâu sắc đến Hiến pháp Việt Nam. Hiến pháp Liên Xô năm 1936 quy định Xô Viết tối cao Liên Xô, cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân Liên Xô là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Chính phủ Liên Xô là cơ quan hành chính cao nhất và là cơ quan chấp hành của Xô Viết tối cao.⁽²⁰⁾ Chịu ảnh hưởng của quy định này, Hiến pháp Việt Nam năm 1959 cũng quy định Hội đồng Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất và là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Cũng như Hiến pháp Liên Xô năm 1936, Hiến pháp Việt Nam năm 1959 thiết lập hệ thống cơ quan kiểm sát nhân dân thực hiện hai chức năng là công tố và giám sát việc tuân theo hiến pháp và pháp luật của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội và mọi công dân. Hiến pháp Việt Nam năm 1980 cũng có nhiều chế định giống Hiến pháp Liên Xô năm 1977. Tuy việc phân quyền giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp cũng được xác định rõ ràng nhưng tính độc lập của cơ quan hành pháp bị hạn chế vì quy định Chính phủ (Hội đồng Bộ trưởng) không những là cơ quan chấp hành của Quốc

(20). Thái Vĩnh Thắng, *Lịch sử lập hiến Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 39.

hội mà còn là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất (Quốc hội). Với Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013, vị trí pháp lý của Chính phủ được xác định lại như Hiến pháp năm 1959 nghĩa là cơ quan chấp hành của Quốc hội và là cơ quan hành chính-nhà nước cao nhất. Hiến pháp năm 2013 đã có bước tiến mới trong việc xác lập rõ ràng ba nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đối với quyền lập hiến, lập pháp, Hiến pháp không còn quy định “*Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến, lập pháp*” mà chỉ xác định “*Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp*”.⁽²¹⁾ Quy định như vậy là hoàn toàn chính xác vì đối với lập hiến sau khi Quốc hội thông qua có thể còn tổ chức trưng cầu dân ý; đối với lập pháp thì Chính phủ cũng đóng vai trò quan trọng vì trên 90% dự luật xuất phát từ Chính phủ và lập pháp theo nghĩa rộng còn có cả những văn bản dưới luật. Hiến pháp năm 2013, không những xác định rõ quyền lập hiến, lập pháp thuộc về Quốc hội mà còn xác định rõ Chính phủ thực hiện quyền hành pháp, toà án thực hiện quyền tư pháp. Khái niệm quyền lực nhà nước được nhận thức rõ gồm ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp nên việc quy định cách thức thực hiện quyền lực nhà nước của nhân dân cũng đầy đủ hơn các Hiến pháp trước. Tại Điều 6 Hiến pháp năm 2013 xác định: “*Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội và hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của nhà nước*”.

(21). Đoạn 2 Điều 69 Hiến pháp năm 2013.

2.4. Tư pháp độc lập

Trong công trình nghiên cứu “Vai trò tư pháp độc lập”, Philippa Strum đã viết: “*Một trong những yếu tố then chốt của tư tưởng chính trị Hoa Kỳ là điều tin tưởng rằng tất cả mọi định chế đều có khả năng hủ hóa và tất cả mọi người làm chính trị đều có thể hủ hóa. Không những là họ có thể bị cám dỗ cụ thể bởi tiền bạc mà nguy hại hơn nữa là họ có thể bị mê hoặc bởi lòng tự cao, tự đại. Những người có quyền thế thường dễ mắc sai lầm là những điều gì họ muốn làm đều có nghĩa là đúng*”.⁽²²⁾ Do đó, các nhà lập hiến Hoa Kỳ cũng như các nước khác trên thế giới muốn làm sao cho chính quyền đủ mạnh để bảo vệ dân chúng nhưng lại không quá mạnh để đến nỗi trở thành một thành lũy quyền lực không kiểm chế được: “*Câu trả lời của các vị đó là chia quyền để kiểm soát. Sẽ có ba nhánh quyền lực: quyền hành pháp của Tổng thống, quyền lập pháp của Quốc hội và quyền tư pháp của toà án. Quốc hội không thể ra luật nếu thiếu sự đồng ý của Tổng thống; Tổng thống không thể thi hành chính sách nếu Quốc hội không thỏa thuận và cả hai nhánh quyền lực này đều phải chịu trách nhiệm trước nhánh quyền tư pháp. Nhánh quyền tư pháp đánh giá các hành động của hai nhánh này căn cứ vào quy định quyền lực của từng ngành trong hiến pháp. Nếu hai nhánh quyền chính trị tức là Tổng thống và Quốc hội lạm dụng quyền lực thì Toà án phải có chức năng kiểm chế. Nhánh*

(22). Philippa Strum, “Vai trò của tư pháp độc lập”, trong cuốn *Về pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến - Một số tiểu luận của các học giả nước ngoài*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội biên dịch, Nxb. Lao động xã hội, 2012, tr. 308.

quyền tư pháp không có thế lực của tiền tài cũng như vũ khí. Nhánh quyền tư pháp cũng không thể điều động quân đội hay cảnh sát để thi hành các điều lệnh của mình, cũng không có quyền phong tỏa ngân sách của ngành kia. Tất cả những gì mà ngành tư pháp có thể làm được là chứng tỏ mình độc lập về chính trị và muốn bảo vệ quyền công dân, tới mức mà cả các nhà chính trị lẫn dân chúng đều tự cảm thấy phải tuân theo phán xét của ngành tư pháp”.⁽²³⁾ Nếu tư pháp không độc lập, sẽ không có công bằng và công lý. Nhiệm vụ của thẩm phán là bảo vệ công lý, xét xử không mắc sai lầm như nhà luật học nổi tiếng người Anh, Dicey đã nói: “*nhiệm vụ hàng đầu của thẩm phán không phải là xét xử mà xét xử không mắc sai lầm*”⁽²⁴⁾ cũng như một câu ngạn ngữ Anh: “*thà để 10 kẻ tội phạm thoát khỏi sự kết tội, còn hơn kết tội oan một người*”.⁽²⁵⁾

Tư pháp độc lập là một nguyên tắc, một yếu tố quan trọng của chủ nghĩa hiến pháp ở Việt Nam. Ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta, tại Điều 69 đã xác định: “*Trong khi xét xử các viên thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không được can thiệp*”. Nguyên tắc này được tiếp tục khẳng định trong các Hiến pháp năm 1959 (Điều 100), Hiến pháp năm 1980

(Điều 131), Hiến pháp năm 1992 (Điều 130) và Hiến pháp năm 2013 (khoản 2 Điều 103). Thực tiễn ở Việt Nam cho thấy, nếu xét xử vụ án nào mà toà án không độc lập, bị chính quyền địa phương hoặc trung ương chi phối, công lý sẽ không được đảm bảo. Mặt khác, thực tiễn cũng chỉ ra rằng, việc giám sát của viện kiểm sát nhân dân, của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là đặc biệt quan trọng vì ngay cả quyết định của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân tối cao cũng có thể mắc sai lầm. Vì vậy, Bộ luật Tố tụng hình sự của Việt Nam năm 2015 tại Điều 404 đã quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thể yêu cầu, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Viện trưởng VKSNDTC có thể kiến nghị, Chánh án TANDTC có thể đề nghị xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

2.5. Bảo đảm các quyền con người

Chủ nghĩa hiến pháp luôn gắn với việc bảo vệ con người và vì lý do đó mà nó đã ra đời và phát triển. Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776 và Tuyên ngôn nhân quyền, công dân quyền của Pháp năm 1789 đã tuyên bố rằng người ta sinh ra ai cũng có các quyền tự nhiên, thiêng liêng và bất khả xâm phạm là quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc, quyền sở hữu tài sản. Những quyền đó gọi là tự nhiên, bẩm sinh bởi do Thượng đế tạo cho con người. Chúng ta không nhận các quyền đó từ chính phủ. Nhiệm vụ của bất kỳ chính quyền nào là phải bảo vệ các quyền đó. Nếu chính phủ nào không thực hiện được sứ mệnh đó thì nhân dân phải lật đổ chính phủ và thành lập chính phủ mới. Các bản hiến pháp trên thế giới bao giờ cũng dành một phần hoặc một chương

(23). Philippa Strum, sđd, tr. 307 - 309.

(24). Nguyễn Văn: “*The first duty of a judge is not to punish crime but to punish it without doing injustice*”, www.archive-org/stream/lawofconstitution.A.C.Dicey#page/xxxvi/mode/2up, truy cập 20/5/2020.

(25). Nguyễn Văn: “*It is better that ten criminal should escape conviction than that one innocent man should without cause be found guilty*”, <https://oll.libertyfund.org/titles/dicey-introduction-to-the-study-of-the-law-of-the-constitution-lf-ed>, truy cập 30/5/2020.

trong hiến pháp quy định về các quyền con người và quyền công dân. Thông thường, trong mỗi một bản hiến pháp có ba nội dung cơ bản. Nội dung thứ nhất thường là các quy định về chế độ chính trị (các nguyên tắc cơ bản về tổ chức quyền lực nhà nước), chính sách cơ bản về kinh tế, văn hoá, xã hội, đường lối đối nội, đối ngoại, an ninh quốc phòng. Nội dung thứ hai là các quyền và nghĩa vụ cơ bản của con người và công dân. Nội dung thứ ba là về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Các bản hiến pháp Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992 đều dành một chương quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, riêng Hiến pháp năm 2013 dành một chương quy định đầy đủ về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

2.6. Kiểm soát, giám sát quyền lực

Trong tác phẩm “Bàn về khế ước xã hội”, Jean Jacques Rousseau đã viết: “*Nếu các thiên thần cai quản thì không phải có sự kiểm soát đối với chính quyền từ bên ngoài hay bên trong. Trong việc tạo khuôn khổ cho một chính quyền do con người quản lý điều khó khăn nhất là ở chỗ trước hết, chính quyền phải có khả năng kiểm soát những người bị quản lý, kế tiếp, chính quyền phải có nghĩa vụ kiểm soát lẫn nhau*”.⁽²⁶⁾ Từ khi xuất hiện nhà nước và bộ máy nhà nước cũng là khi con người đã nghĩ đến phải kiểm soát quyền lực nhà nước. Trước khi có hiến pháp, nhà nước cũng đã có những hình thức khác nhau kiểm soát quyền lực của vua và quan lại. Trong nhà nước phong kiến Việt

Nam, để hạn chế quyền lực của Vua, triều đình đã đặt các chức quan tả, hữu can gián đại phu để khuyên can Vua khi Vua làm những điều không sáng suốt. Để giám sát và đàn hạch đội ngũ quan lại có các quan ngự sử đài hoặc đô sát viện là các quan chức độc lập với bộ máy hành chính, báo cáo trực tiếp kết quả hoạt động giám sát của mình cho Vua. Chế độ thi cử tuyển chọn quan lại theo quy định của pháp luật, theo đó, những người đỗ đạt cao được bổ nhiệm vào những chức vụ nhất định trong bộ máy nhà nước mà Vua cũng phải tuân theo. Ngoài ra, ở Việt Nam, chế độ làng xã tự trị cũng đã hạn chế quyền lực của Vua nên đã tạo nên câu ngạn ngữ trong dân gian: “Phép vua thua lệ làng”.⁽²⁷⁾

Các cơ chế kiểm soát, giám sát trên thế giới qua các giai đoạn lịch sử bao gồm:

- Cơ chế ngự sử đài/đô sát viện của nhà nước phong kiến Việt Nam, Trung Quốc;
- Cơ chế đức trị, pháp trị, cơ chế kết hợp giữa đức trị và pháp trị ở các nước phương Đông;
- Cơ chế procuratura của Nga và viện kiểm sát các nước XHCN;
- Cơ chế tam quyền phân lập và kiểm chế, đối trọng;
- Cơ chế ngũ quyền phân lập (lập pháp, hành pháp, tư pháp, giám sát và khảo thí) ở Đài Loan theo tư tưởng của Tôn Trung Sơn;
- Cơ chế nhất nguyên và đa nguyên chính trị.

Từ khi có hiến pháp, cơ chế kiểm soát, giám sát quyền lực thường được quy định trong hiến pháp. Theo quy định của các hiến

(26). Jean Jaques Rousseau, *Bàn về khế ước xã hội*, (bản dịch của Trần Thanh Đạm), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr. 56.

(27). Vũ Quốc Thông, *Pháp chế sử Việt Nam*, Nxb. Tủ sách đại học, Sài Gòn, 1973, tr. 55.

pháp khác nhau, có thể thấy Tổng thống có thể bị Quốc hội đàn hạch và cách chức (chính thể cộng hoà tổng thống); Chính phủ có thể bị Nghị viện bỏ phiếu bất tín nhiệm buộc phải giải tán trước thời hạn (chính thể cộng hoà nghị viện, cộng hoà lưỡng tính và quân chủ lập hiến); thẩm phán có thể bị quốc hội đàn hạch và cách chức (chính thể cộng hoà tổng thống) hoặc bị hội đồng thẩm phán đề nghị Tổng thống cách chức (cộng hoà nghị viện và cộng hoà lưỡng tính). Nghị viện (nếu một viện) hoặc hạ nghị viện (chế độ lưỡng viện) có thể bị Tổng thống giải tán trước thời hạn (cộng hoà nghị viện và cộng hoà lưỡng tính), bị Vua giải tán theo đề nghị của thủ tướng (quân chủ lập hiến).

Ở Việt Nam, nguyên tắc kiểm soát, giám sát quyền lực được quy định tại khoản 3 Điều 2 Hiến pháp năm 2013: *“Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”*. Trên thực tiễn, sự phân công, phối hợp đã được triển khai thực hiện đầy đủ, tuy nhiên việc kiểm soát quyền lực chưa được triển khai đầy đủ vì việc kiểm soát quyền lực chỉ mới được triển khai từ phía Quốc hội đối với Chính phủ và toà án, còn chiều ngược lại từ phía Chính phủ và toà án đối với Quốc hội chưa được cụ thể hóa trong luật.

2.7. Cơ chế bảo hiến

Do hiến pháp là luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lí cao nhất, nên các văn bản luật và dưới luật trái hiến pháp cần phải được bãi bỏ. Việc bãi bỏ các văn bản dưới luật, hầu hết các quốc gia trên thế giới không gặp khó khăn gì vì cơ quan cấp trên theo thông lệ có thể bãi bỏ các văn bản của

cơ quan cấp dưới. Tuy nhiên đối với các văn bản luật vi hiến do nghị viện/quốc hội cơ quan lập pháp làm ra thì không đơn giản vì cơ quan làm ra luật là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, do nhân dân bầu ra và ở một số nước như Việt Nam thì còn được coi là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy luật vi hiến là hiện tượng có thể xảy ra, và quốc gia nào cũng không thể tránh khỏi. Vì vậy, việc tìm ra một thiết chế phù hợp để bảo vệ Hiến pháp, vô hiệu hóa các luật vi hiến là rất cần thiết. Ngày nay, một yếu tố cấu thành không thể thiếu của chủ nghĩa hiến pháp là cơ chế bảo hiến. Trên thế giới hiện nay có ba mô hình bảo hiến: 1) thành lập toà án chuyên trách nhiệm vụ bảo hiến là toà án hiến pháp hoặc Hội đồng bảo hiến; 2) toà án tư pháp kiêm luôn nhiệm vụ bảo hiến; 3) cơ quan lập hiến, lập pháp đồng thời làm nhiệm vụ bảo hiến.⁽²⁸⁾

Trong ba mô hình trên đây, phổ biến nhất và hiệu quả nhất là mô hình thứ nhất và thứ hai, còn mô hình thứ ba ít được sử dụng vì không hiệu quả. Lí do để giải thích sự không hiệu quả của mô hình này là vì cơ quan làm ra luật vi hiến ít khi thừa nhận sự vi hiến của luật vì như câu châm ngôn nổi tiếng thời La Mã cổ đại “*Nemo unquam judicet in se*”- không ai tự mình xét xử mình được.⁽²⁹⁾ Hiến pháp Việt Nam năm 2013, tại khoản 2 Điều 119 đã xác định: *“Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, toà án nhân dân, viện kiểm sát*

(28). Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hiến pháp nước ngoài*, Nxb. Công an nhân dân, 2019, tr. 191.

(29). *Black's law dictionary*, Seventh Edition, Bryan A Garner in Chief, Edition West Group, 1999, p. 1663.

nhân dân, các cơ quan khác của Nhà nước và toàn thể Nhân dân có trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp. Cơ chế bảo vệ hiến pháp do luật định”. Với quy định trên đây của Hiến pháp, Việt Nam cho đến nay vẫn chưa có thiết chế chuyên trách bảo hiến. Nhu cầu lí luận và thực tiễn hiện nay cho thấy Việt Nam cần lựa chọn mô hình toà án hiến pháp hoặc Hội đồng bảo hiến để giải quyết các trường hợp luật vi hiến hoặc xung đột quyền lực giữa các nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp và tư pháp và giải thích hiến pháp, giải thích luật khi cần thiết./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrew Heywood, *Key Concepts in Politics*, Macmillan Press Ltd, 2000.
2. Andrew Godden, John Morison, *Constitutionalism*, <https://oxcon.oup.com/view/10.1093/law-mpeccol/law-mpeccol-e9>
3. *Black's law dictionary*, Seventh Edition, Bryan A Garner in Chief, Edition West Group, 1999.
4. Nguyễn Đăng Dung, “Sự phát triển của chủ nghĩa Hiến pháp ở Việt Nam cho đến Hiến pháp năm 2013, trong cuốn *Bình luận khoa học Hiến pháp Việt Nam năm 2013*, (Đào Trí Úc và Vũ Công Giao chủ biên), Nxb. Lao động xã hội, 2014.
5. George Athan Billias, “American Constitutionalism heard round the world, 1776 - 1989”, *New York University Press*, New York & London, 2009.
6. Hilaire Barnett, *Constitutional and Administrative law*, Cavendish Publishing Limited, 1995.
7. Jean Jaques Rousseau, *Bàn về khế ước xã hội*, (bản dịch của Trần Thanh Đạm), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
8. Louis Henkin, *Constitutionalism, Democracy and foreign affairs*, <https://www.repository.law.indiana.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1447&context=ilj>
9. Montesquieu, *Tinh thần pháp luật*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1996.
10. N.W. Barber, *The principles of constitutionalism*, Oxford University Press, 2018.
11. *Oxford Advanced Learner's Dictionary*, Edited by Sally Wehmeier, Oxford University Press, 2000.
12. Philippa Strum, “Vai trò của tư pháp độc lập”, trong cuốn *Về pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến - Một số tiểu luận của các học giả nước ngoài*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội biên dịch, Nxb. Lao động xã hội, 2012.
13. Richard Bellamy, “Political Constitutionalism and the Human Rights”, *International Journal Constitutional Law*, volum 9, issue 1, January 2011, <https://academic.oup.com/icon/article/9/1/86/902292>
14. Thái Vĩnh Thắng, *Lịch sử lập hiến Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
15. Thái Vĩnh Thắng, *Nhà nước và pháp luật tư sản đương đại*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2008.
16. Vũ Quốc Thông, *Pháp chế sử Việt Nam*, Nxb. Tủ sách đại học, Sài Gòn, 1973.
17. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hiến pháp nước ngoài*, Nxb. Công an nhân dân, 2019.
18. Wil Waluchow, “Constitutionalism”, *Stanford Encyclopedia of philosophy*, <https://plato.stanford.edu/entries/constitutionalism/>